

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NỘI ĐỊA
Số : 01042017/ISC- MARICO- VANTAI

CONTRACT FOR TRANSPORTATION OF DOMESTIC GOODS
No : 01042017/ISC- MARICO- VANTAI

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH 11 được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ luật dân sự số 33/2005QH 11 và được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

- Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH 11 passed by the National Assembly on June 14, 2005.

- Pursuant to Civil Law No. 33/2005QH 11 and passed by the National Assembly on June 14, 2005.

- Based on the needs and capabilities of the two parties.

Hôm nay ngày 31 tháng 03 năm 2017 Chúng tôi gồm :

Today 31st Mar, 2017 we include:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN MARICO SOUTH EAST ASIA

- Địa chỉ : **Số 3 đường số 5 KCN Sóng thần I, Thị xã Dĩ an, tỉnh Bình Dương .**
Address: **No. 3, 5 Street , Song Than i Industrial Park, Di An Town, Binh Duong Province.**
- Điện thoại : **(84.8)38 422 825** - Fax : **(84.8) 422 835**
Tel: (84) 8 3 842 2825 - Fax: (84) 8 3 842 2835
- Mã số thuế : **3700579324**
Tax code: **3700579324**

- Đại diện hợp pháp bởi : **Ông LƯƠNG HỮU KHÁNH –Tổng giám đốc**
Represented by: LUONG HUU KHANH – GENERAL DIRECTOR

- Dưới đây gọi tắt là : **MARICO SEA**

MARICO SEA for short.

Bên B : CÔNG TY TNHH CHUỖI CUNG ỨNG ISC

Party B : ISC INTEGRATION SUPPLY CHAIN CO., LTD

- Địa chỉ : **54 D Hoàng Diệu , Phường 8, Quận 4 , TP.HCM**
Address: **No. 54D, Hoang Dieu Street, Ward 8th, Distric 4th, HCM City.**
- Điện thoại : **08.6267554** - Fax : **08.62655314**
Tel : **08.62675540** Fax : **08.62655314**
- Mã số thuế : **0310200016**
Code tax : **0310200016**
- Do Ông : **Trần Văn Sang** - Chức vụ : **Giám Đốc** làm đại diện
Represented by: **Tran Van Sang – Director**

 

- Tài khoản : 10223072625010 Tại ngân hàng: Techcombank, CN : Pasteur , TP.HCM

Bank account: 10223072625010 Techcombank - Pasture Branch

Giấy phép đăng ký kinh doanh: số 0310200016 _ Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 06 tháng 8/2010

Bussiness permits registration: 0310200016 – HCM Plan and Invested department

- Dưới đây gọi tắt là : **ISC**

ISC for short.

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng vận chuyển hàng hóa nội địa với những điều khoản và điều kiện sau :

After the agreement, the two parties agree to enter into a contract of carriage of goods domestically with the following terms and conditions:

Điều I : Hàng Hóa Vận Chuyển, Phương Tiện Vận Chuyển :

Bên A đồng ý thuê bên B vận chuyển hàng hóa với chi tiết sau :

Article I: Goods and Transportation:

Party A agrees to hire Party B to transport the cargo with the following details

- 1.1 Mặt hàng: Là tất cả sản phẩm của Công ty Marico và các Công ty trực thuộc Công ty Marico là HPC, BCS và Thuận Phát. Sản phẩm là các loại hàng mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, chất tẩy rửa, cũng như các loại thực phẩm và nước giải khát được đóng gói trong các loại thùng carton, PE,... Hàng hóa vận chuyển cũng bao gồm tất cả các vật dụng trưng bày phục vụ quảng cáo tiếp thị...
- 1.1 Items: All products of Marico Company and its subsidiaries are HPC, BCS and Thuan Phat. Products are cosmetic, cosmetic, detergent, as well as foods and beverages packed in cartons, PE, ... Cargo also includes all items Display advertising serving marketing
- 1.2 Trọng lượng: Tấn/ khối hoặc chuyển .
- 1.2 Weight: Ton / block or trip
- 1.3 Nơi nhận hàng: Tại kho 6 – Tân cảng – ICD Sóng Thần, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương. Ngoài ra Bên B cũng vận chuyển hàng theo yêu cầu của bên A.
- 1.3 Place of delivery: At warehouse 6 - Tan Port - Song Than ICD, Thuan An District, Binh Duong Province. In addition, Party B also transports goods at the request of Party A.
- 1.4 Nơi giao hàng: Là các nhà phân phối/khách hàng/ đối tác kinh doanh của Công ty Marico theo phụ lục đính kèm.
- 1.4 Place of delivery: The distributors / customers / business partners of Marico Company are attached hereto.
- 1.5 Phương tiện vận chuyển: Xe tải (hoặc phương tiện khác nếu có sự thống nhất giữa 2 bên)
- 1.5 Transportation: Truck (or other means if there is agreement between two parties)
- 1.6 Phương thức vận chuyển : Đường Bộ (hoặc phương tiện khác nếu có sự thống nhất giữa 2 bên)
- 1.6 Method of transportation: Road (or other means if there is agreement between the two parties)

Điều II : Quyền Sở Hữu Hàng Hóa .

 

Article II: Property Rights.

- Hàng hóa thuộc quyền sở hữu của bên A. Bên B có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa cho bên A và bên B có trách nhiệm bảo quản hàng hóa này ngay sau khi ký nhận và trong suốt quá trình vận chuyển giao đến các nhà phân phối/ khách hàng của bên A. Đến khi bên B giao hàng hóa lại cho bên A tại nhà phân phối / đại lý theo qui định với đầy đủ chữ ký nhận trên hóa đơn, thì bên B mới hết trách nhiệm vận chuyển.
- The goods are owned by Party A. Party B is responsible for transporting goods to Party A and Party B is responsible for preserving the goods immediately after signing and during transportation to the house. Distributor / customer of Party A. Until Party B delivers the goods back to Party A at the distributor / agent as prescribed with the full signature on the invoice, the new party B is responsible for shipping.

Điều III : Phương Thức Giao Nhận, Giá Cả, Thời Gian Vận Chuyển

1. Phương thức giao nhận: Kiểm đếm số lượng thực tế tại các kho của bên A.

2. Giá vận chuyển và thời gian vận chuyển: Theo phụ lục đính kèm.

Article III: Delivery Method, Price, Shipping Time

1. Method of delivery: Check the actual quantity at the warehouse of party A.
2. Price of carriage and transit time: According to the attached appendix.

Điều IV : Phương Thức Thanh Toán

Article IV: Method of Payment

1. Chứng từ thanh toán :

- 1.1. Hóa đơn GTGT của bên B xuất cho bên A ghi nhận số tấn, khối / chuyển và giá trị cước phí vận chuyển trong tháng vừa qua theo bảng kê đính kèm.
- 1.2. Biên bản giao nhận hàng hoá có sự xác nhận của bên A và xác nhận của nhà phân phối/ đại lý của bên A.

1. Documents of Payment:

- 1.1. Value added invoices issued by Party B to Party A recorded the number of tons, volume / shipment and value of freight in the last month according to the enclosed list.
- 1.2. Minutes of goods delivery confirmed by party A and confirmed by the distributor / agent of party A.

2. Hình thức thanh toán :

- 2.1. Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B xuất hóa đơn.
- 2.2 Bên A thanh toán cho bên B mỗi tháng bằng chuyển khoản sau khi bên B gửi đầy đủ chứng từ và hóa đơn GTGT.

2. Payment method:

- 2.1. Party A will pay Party B within 15 days from Party B's invoice.
- 2.2 Party A pays to Party B each month by transfer after Party B sends all documents and VAT invoices.

Điều V : Trách Nhiệm Của Mỗi Bên

1. Trách nhiệm của bên B :

- 1.1 Bên B phải có 1 nhân sự làm việc tại kho bên A từ 8h sáng đến 5h chiều hàng ngày (trừ ngày chủ nhật) để phối hợp với nhân sự của bên A cùng sắp xếp phương tiện vận chuyển giao hàng hợp lý và đúng thời hạn cam kết.
- 1.2 Bên B phải có 1 nhân sự làm việc tại văn phòng kho để cập nhật báo cáo tiến độ giao hàng.
- 1.3 Bên B hàng tuần họp với giám sát kho SDC của bên A để xem lại tình hình vận chuyển tuần qua có lãng phí vận chuyển, giải pháp khắc phục trường hợp giao trễ hàng hoặc giao hàng không đúng số lượng.
- 1.4 Bên B có trách nhiệm kiểm tra hàng trên xe và xác nhận số lượng trên hoá đơn, mọi trường hợp giao thiếu số lượng bên B sẽ chịu trách nhiệm đền bù cho NPP ngay tức thì.
- 1.5 Bên B hàng tháng gửi báo cáo tiến độ giao hàng đúng hẹn và giao hàng đúng số lượng cho bên A vào 5 ngày đầu của tháng sau.
- 1.6 Bên B có trách nhiệm vận chuyển kết hợp các đơn hàng gần khu vực với nhau để tận dụng không gian chứa hàng trong xe mà không ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng.
- 1.7 Các trường hợp lãng phí xe vận chuyển như đơn hàng không đủ số lượng tấn/khối, không thể kết hợp với đơn hàng khác bên A phải báo cho Logistic Manager của bên B quyết định giải pháp.
- 1.8 Cung cấp xe đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu của bên A với số lượng hàng vận chuyển như bên A đã thông báo và xe phải đảm bảo số khối và tải trọng cho phép để chở hết lô hàng.
- 1.9 Xe lấy hàng xong phải được vận chuyển ngay đến điểm giao hàng .
- 1.10 Thông báo cho Bên B các trường hợp kho xuất hàng không đủ 3 cổng xuất để bên B kịp thời giải quyết hoặc bất kỳ khó khăn nào xảy ra tại kho mà có thể ảnh hưởng đến thời gian giao hàng đến NPP.
- 1.11 Thông báo cho bên A các trường hợp giao hàng đúng tiến độ nhưng NPP không nhận hàng.
- 1.12 Trong quá trình vận chuyển cho bên A, bên B phải bảo quản hàng hóa đúng theo qui định, đảm bảo vệ sinh an toàn hàng hóa, không để sản phẩm bị nắng chiếu trực tiếp, không bị mưa tạt, ẩm ướt, làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và bao bì.
- 1.13 Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về thủ tục pháp lý đối với những sự cố xảy ra cho phương tiện vận chuyển trong quá trình vận chuyển và sẽ đền bù hư hại hàng hóa theo như giá bán của bên A trên thị trường nếu có thất thoát. Số tiền đền bù sự thiệt hại do bên B gây ra sẽ trừ vào chi phí vận chuyển và nợ còn lại cho bên B theo pháp luật.
- 1.14 Bên B phải đảm bảo giao hàng đúng thời gian đã cam kết.
- 1.15 Bên B phải liệt kê danh sách ngày giờ các tuyến đã hoàn thành việc giao hàng cho nhà phân phối của các ngày hôm trước và phải có báo cáo gửi về cho bên A bằng email hoặc fax để bên A theo dõi.
- 1.16 Bên B mua bảo hiểm thiệt hại tài sản đối với mỗi xe tải và bảo hiểm trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật về phương tiện vận chuyển đường bộ . Trường hợp hư hại hàng hóa do sự cố, tai nạn thì bên B có trách nhiệm bồi thường hàng hóa bị hư hại trong khi chờ kết quả bảo hiểm theo giá bán đến NPP .

- 1.17 Trong trường hợp bất khả kháng (như xe hư, lũ lụt gây hư đường), phương tiện bị sự cố thiên tai gây chậm trễ hay hư hỏng, mất mát hàng hóa thì bên B phải thông báo cho bên A biết bằng văn bản và 2 bên cùng ngồi lại với nhau để bàn bạc đưa ra hướng giải quyết.
- 1.18 Bên B có trách nhiệm đảm bảo đạt các chỉ tiêu như sau :
- Phần trăm tỉ lệ giao hàng đúng hẹn >99%.
 - Phần trăm tỉ lệ giao hàng đúng số lượng >99%.
 - Nếu bên B không đạt 2 chỉ tiêu trên trong tháng thì phải tìm giải pháp khắc phục đảm bảo tháng kế tiếp đạt 2 chỉ tiêu này. Nếu 3 tháng liên tục không đạt bên A có quyền lấy lại một phần dịch vụ hoặc thay đổi hợp đồng hoặc kết thúc hợp đồng nếu bên B không có khả năng khắc phục tình trạng rối hàng.

Article V: Responsibility of Each Party

1. Responsibilities of Party B:

- 1.1 Party B must have a staff working at party A's warehouse from 8am to 5pm daily (except on Sundays) to coordinate with the receipt of Party A to arrange the delivery of goods properly and commitment period.
- 1.2 Party B must have a staff member working at the warehouse to update the delivery progress report.
- 1.3 Party B weekly meeting with monitoring SDC of Party A to review the situation of transportation last week to waste transportation, solutions to delay delivery or wrong delivery.
- 1.4 Party B is responsible for inspecting the goods on the vehicle and confirming the quantity on the invoice, all cases of under delivery quantity will be compensated by Party B immediately.
- 1.5 Party B sends a progress report on time and delivery the right amount to Party A in the first 5 days of next month.
- 1.6 Party B is responsible for transporting combined orders near the area together to utilize the cargo space in the car without affecting the delivery schedule.
- 1.7 The case of waste transportation vehicles such as orders not enough tons / block, can not be combined with other orders party A must notify Logistic Manager of the party B decision solution.
- 1.8 Provide full and timely car at the request of Party A with the amount of carriage as notified by Party A and the vehicle must ensure the number of blocks and payload allowed to carry the shipment.
- 1.9 Carts must be delivered immediately to the point of delivery.
- 1.10 Inform Party B of the cases where the warehouse does not have enough 3 ports for Party B to resolve timely or any difficulties that occur in the warehouse that may affect delivery time to NPP.
- 1.11 Inform Party A of the delivery on time, but NPP does not receive the goods.
- 1.12 In the course of transportation to Party A, Party B must preserve the goods in accordance with regulations, ensure the hygiene and safety of goods, not to direct sunlight, do not rain, wet, do Affects the quality of the goods and packaging.
- 1.13 Party B is fully responsible for the legal procedures for the incident of the means of transport in the course of transportation and will compensate for damages of goods according to the price of party A on the market if there are losses. Escape The amount compensation for damage caused by Party B will be deducted from the shipping costs and the remaining debt to Party B according to law.
- 1.14 Party B must ensure delivery on time committed.
- 1.15 Party B shall list the date and time the lines completed the delivery to the distributor of the previous day and must send the report to Party A by email or fax to Party A to follow.
- 1.16 Party B purchases property damage insurance for each truck and insures civil liability in accordance with the law on means of road transport. In case of damage caused by accident or accident, Party B shall compensate for damaged goods while waiting for insurance results according to the selling price to NPP.
- 1.17 In case of force majeure (such as damaged vehicles, floods causing damage), vehicles caused by natural calamities that cause delays or damage or loss of cargo, Party B shall notify Party A in writing. And the two sides sit together to discuss the solution.
- 1.18 Party B is responsible for ensuring the following targets:

 

- Percentage of punctual delivery rates > 99%.
- Percentage of shipments in the right quantity > 99%.
- If Party B fails to meet the above two criteria in the month, it must find solutions to ensure the next month to meet these two criteria. If 3 consecutive months have not reached Party A has the right to regain part of the service or change the contract or the end of the contract if Party B is not able to overcome the drop.

2. Trách nhiệm của bên A :

- 2.1. Chuẩn bị hàng hóa đầy đủ như đã thỏa thuận và các giấy tờ hợp lệ, hợp pháp cần thiết cho việc vận chuyển trong nước cũng như chịu trách nhiệm toàn bộ về tính pháp lý và hợp lệ của hàng hóa; không vận chuyển hàng hóa không có giấy tờ xuất xứ và vi phạm pháp luật.
- 2.2. Sắp xếp nơi làm việc cho nhân viên theo dõi tiến độ trong văn phòng kho.
- 2.3. Thông báo cho bên B biết bằng booking note với đầy đủ thông tin trước ít nhất 06h giờ khi có nhu cầu vận chuyển (trước 18h-18h30 chiều cho ngày hôm sau).
- 2.4. Hỗ trợ sắp xếp cho bên B biết các ngày đặt hàng ấn định cho các khu vực xa có cùng tuyến đường.
- 2.5. Đảm bảo tối đa 3 cổng xuất liên tục trong giờ hành chính để kịp tiến độ giao hàng.
- 2.6. Cung cấp cho bên B đầy đủ những thông số kỹ thuật, tính chất của hàng hóa, điều kiện xếp dỡ cũng như bảo quản hàng đặc biệt (nếu có).
- 2.7. Thanh toán tiền cho bên B theo đúng thời gian qui định về thời hạn tại điều IV của Hợp đồng này.
- 2.8. Chịu trách nhiệm bốc xếp và sắp xếp hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật của bên A tại nơi nhận và giao hàng của bên A.

2. Responsibilities of Party A:

- 2.1. Prepare the full goods as agreed and the valid and legal papers necessary for domestic transportation as well as take full responsibility for the legality and validity of the goods; Do not transport the goods without origin and breach the law.
- 2.2. Arrange the workplace for staff to track the progress in the depot office.
- 2.3. Inform B by booking note with full information at least 06h when there is a need of transportation (before 18h-18h30 for the next day).
- 2.4. Support arranges for Party B to know the order dates assigned to distant areas with the same route.
- 2.5. Ensure up to 3 ports of continuous output during office hours to keep up with delivery.
- 2.6. Provide Party B with the technical specifications, the nature of the goods, the conditions of loading and unloading as well as the preservation of special goods (if any).
- 2.7. Make payment to Party B within the time limit stipulated in Article IV of this contract.
- 2.8. Responsible for the loading and unloading of goods in accordance with the technical requirements of Party A at the place of receipt and delivery of Party A.

Điều VI : Điều Khoản Chung và thời hạn hợp đồng :

1. Hai bên cam kết thực hiện theo các điều khoản đã nêu trong hợp đồng này.



2. Hợp đồng này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01-04-2017 và kết thúc ngày 01-04-2019. Tuy nhiên nếu bên B cung cấp dịch vụ không đạt yêu cầu như thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng này thì bên A có quyền xem xét lại điều khoản hợp đồng, hoặc chấm dứt hợp đồng.
3. Hai bên cam kết không được tự ý hủy bỏ hợp đồng không có lý do trong suốt thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên nào tự ý hủy bỏ hợp đồng không có lý do thống nhất bằng văn bản thì mọi tổn thất do mình gây ra cho bên kia sẽ phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.
4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu xảy ra bất đồng, hai bên sẽ bàn bạc giải quyết theo tinh thần hợp tác bình đẳng, trường hợp không thể đi đến thỏa thuận sẽ trình lên Tòa Án Kinh Tế TPHCM giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng, án phí do bên thua chịu.
5. Mọi thay đổi bổ sung phải được thể hiện bằng văn bản và được sự đồng ý của hai bên.
6. Khi hợp đồng hết hạn nếu hai bên không có ý định gia hạn thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý sau khi mọi công nợ được giải quyết giữa hai bên.
7. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, mỗi bản có giá trị pháp lý như nhau và sẽ được gia hạn thêm khi hai bên thống nhất bằng văn bản.

Article VI: General Terms and Term of Contract:

1. The two parties pledge to comply with the terms stated in this contract.
2. This contract shall take effect from April 1, 2017 and end on April 1, However, if Party B provides unsatisfactory services as agreed in this contract, Party A shall have the right to reconsider the terms of the contract, or to terminate the contract.
3. The two parties pledge not to arbitrarily cancel the contract for no reason during the validity of the contract, if any party voluntarily cancels the contract for no reason in writing, then any loss The other party will be held liable to the law by the other party.
4. In the course of performance of the contract, the two sides will discuss the settlement in the spirit of equal cooperation, if unable to come to an agreement will be submitted to the Ho Chi Minh City Economic Court. The decision of the Court is the final decision, the Court costs the losing party.
5. Any additional changes must be made in writing and mutually agreed.
6. When the contract expires, if the two parties do not intend to extend the contract, the contract shall automatically be liquidated after all debts are settled between the two parties.
7. This contract is made in 04 copies, each party keeps 02 copies, each of which has the same legal effect and shall be further extended upon mutual agreement in writing.

ĐẠI DIỆN BÊN A

For and on behalf of Marico

ĐẠI DIỆN BÊN B

For and on behalf of ISC

LƯƠNG HỮU KHÁNH

TRẦN VĂN SANG

 

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NỘI ĐỊA
TRUCKING SERVICES CONTRACT APPENDIX
Số : 01/01042017/ISC-VANTAI
No.: 01/01042017/ISC-VANTAI

- Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ cung ứng số: 28062011/ISC-VANTAI ký ngày 01 tháng 07 năm 2011 giữa Công ty TNHH chuỗi cung ứng ISC và Công Ty Cổ Phần SX Hàng Gia Dụng QT – ICP.
- *According to Trucking Services Contract 28062011/ISC-VANTAI signed off 01/July/2011.*
- *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.*
- *According to capabilities and demands of two parties.*

Hôm nay ngày 16 tháng 03 năm 2017 Chúng tôi gồm :

Today 16st Mar, 2017 we include :

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN MARICO SOUTH EAST ASIA

Party A : MARICO SOUTH EAST ASIA

- Địa chỉ : Số 3 đường số 5 KCN Sóng thần, huyện Dĩ an, tỉnh Bình Dương .
Address: No. 3, 5 Street , Song Than Industrial Park, Di An District, Binh Duong Province.
- Điện thoại : (84.8)38 422 825 - Fax : (84.8) 422 835
Tel: (84) 8 3 842 2825 - Fax: (84) 8 3 842 2835
- Mã số thuế : 3700579324
Tax code: 3700579324
- **Đại diện hợp pháp bởi** : **Ông LƯƠNG HỮU KHÁNH** – *Tổng giám đốc*
Represented by: LUONG HUU KHANH – GENERAL DIRECTOR
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 4603000346 – Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Bình Dương.
Business permits registration: 4603000346 – Binh Duong Invested department
- Dưới đây gọi tắt là : **MARICO SEA**
MARICO SEA for short.

Bên B : CÔNG TY TNHH CHUỖI CUNG ỨNG ISC

Party B : ISC INTEGRATION SUPPLY CHAIN CO., LTD

- Địa chỉ : 54 D Hoàng Diệu , Phường 8, Quận 4 , TP.HCM

 

Address: No. 54D, Hoang Dieu Street, Ward 8th, Distric 4th, HCM City.

- Điện thoại : 08.6267554

- Fax : 08.62655314

Tel : 08.62675540

Fax : 08.62655314

- Mã số thuế : 0310200016

Code tax : 0310200016

- Do Ông : **Trần Văn Sang**

- Chức vụ : **Giám Đốc** làm đại diện

Represented by: **Tran Van Sang – Director**

- Tài khoản : 10223072625010 Tại ngân hàng: Techcombank, CN : Pasteur , TP.HCM

Bank account: 10223072625010 Techcombank - Pasture Branch

Giấy phép đăng ký kinh doanh: số 0310200016 _ Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 06 tháng 8/2010

Bussiness permits registration: 0310200016 – HCM Plan and Invested department

- Dưới đây gọi tắt là : **ISC**

ISC for short.

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng đồng ý ký kết Phụ lục Hợp đồng vận chuyển hàng hóa nội địa với những điều khoản và điều kiện sau :

After dealt, two parties agreed to sign off the Trucking Services Contract Appendix number 01/01042017/ISC-VANTAI with clauses and terms as:

Điều 1 : Phí vận chuyển tính theo cách tính trước đây và **giảm giá ở mức 3%**. Bắt đầu áp dụng từ 01 tháng 4 năm 2017. Hàng tháng khi ISC gửi bảng kê thì liệt kê như trước đây và tổng kết có thêm dòng ghi giảm 3% (không bao gồm phí phụ).

Article 1: Transport costs from previously calculated and discounted at 3%. Start applying from 04/01/2017.

Monthly statements sent by ISC is listed as before and summarizes additional lines reduced to 3% (not including extra fees).

Điều 2: Giá dầu thời điểm hiện nay là **14.440 đ** trên 1 lít dầu diezen 0,05S.

Article 2: Current price of oil: **14.440 dvn/** diezen 0,05S

Điều 3: Đối với đơn hàng đi tuyến TPHCM mà giá trị hàng hoá dưới 10 triệu/đơn hàng chi phí vận chuyển sẽ là 165.000đ trên 1 chuyến. Đơn hàng đi Coop, siêu thị ở TpHCM sẽ cộng thêm tiền bốc xếp và giao hàng là



50.000 vnd/chuyến.

Article 3: For orders Ho Chi Minh routes that the products' value is under 10 million vnd per each order, transport costs will be 165.000vnd per route. Order to Coop, supermarket in HCMC will add loading and delivery is 50.000vnd per route.

Điều 4: Phí thu hồi hàng hoá bằng $\frac{1}{2}$ đơn giá chuyến đi .

Article 4: Products recovery cost = $\frac{1}{2}$ unit price of route

Điều 5: Điểm giao hàng trên mỗi xe không quá 5 điểm (3 tỉnh)

Article 5: Each truck \leq 5 delivery points (not over 3 provinces)

Điều 6: Bảng giá thực hiện theo bảng báo giá sau:

Article 6: Price list with locations as follows: (see table below)

| <i>Tỉnh /Thành</i> | <i>Nhà Phân Phối</i> | <i>Địa chỉ giao hàng</i> | <i>Khu vực</i> | <i>1.5Tan</i> | <i>2Tan</i> | <i>4Tan</i> | <i>5Tan</i> | <i>>=8Tan</i> |
|--------------------|---------------------------|--------------------------|----------------|---------------|-------------|-------------|-------------|------------------|
| Quảng Bình | NPP Mỹ Phẩm Lê Na | Quảng Bình | Miền Trung | | 10.080.000 | 11.558.400 | 12.000.000 | 13.440.000 |
| Quảng Trị | Cty TNHH Nghĩa Hòa | Đông Hà | Miền Trung | | 9.600.000 | 10.580.890 | 10.580.890 | 12.480.000 |
| Thừa Thiên Huế | Cty TNHH TM & DV Lộc Hưng | Huế | Miền Trung | | 8.641.920 | 9.510.912 | 10.501.632 | 11.591.424 |
| Đà Nẵng | Metro Đà Nẵng | Metro Đà Nẵng | Miền Trung | | 8.167.680 | 8.947.200 | 10.117.632 | 11.591.424 |
| Quảng Nam | Mỹ Linh Phương | Tam Kỳ | Miền Trung | | 7.680.000 | 8.640.000 | 9.888.000 | 11.591.424 |
| Quảng Ngãi | DNTN TM&DV Thành Đạt | Quảng Ngãi | Miền Trung | | 7.200.000 | 8.256.000 | 8.640.000 | 11.591.424 |
| Bình Định | DNTN Việt Hồng | Quy Nhơn | Miền Trung | | 6.240.000 | 7.331.328 | 8.160.000 | 11.591.424 |
| Phú Yên | NPP Vạn Tín | Tuy Hòa | Miền Trung | 5.052.672 | 5.281.920 | 6.739.200 | 7.200.000 | 8.817.408 |
| Khánh Hòa | Cty TNHH TM & VT Lân Gia | Nha Trang | Miền Trung | 3.379.200 | 3.849.600 | 4.324.800 | 4.819.200 | 6.720.960 |
| Khánh Hòa | NPP Nguyễn Văn tân | Cam Ranh | Miền Trung | 3.081.600 | 3.364.800 | 4.032.192 | 4.329.600 | 5.856.000 |
| Ninh Thuận | NPP Trí Vi | Phan Rang - Tháp Chàm | Miền Trung | 2.697.600 | 2.899.200 | 3.361.920 | 4.032.000 | 4.819.200 |
| Bình Thuận | NPP Lê Dung | Bình Thuận | Miền Trung | 1.729.920 | 2.112.960 | 2.400.960 | 2.889.600 | 3.859.200 |
| Kon Tum | DNTN Hải Dương | Kon Tum | Miền Trung | 4.339.200 | 4.993.920 | 6.739.200 | 7.201.920 | 8.160.000 |
| Gia Lai | NPP Hà Linh | Pleiku | Miền Trung | 3.859.200 | 4.531.200 | 6.242.880 | 6.721.920 | 7.680.960 |
| Đắk Lắk | NPP Khanh vân | Buôn Ma Thuột | Miền Trung | 2.899.200 | 3.081.600 | 3.763.200 | 4.609.920 | 5.665.920 |
| Đắk Nông | NPP Nam Nguyen | Đắk Nông | Miền Trung | 2.601.600 | 2.785.920 | 3.457.920 | 4.032.960 | 5.377.920 |
| Lâm Đồng | NPP Thanh kim Hữu | Bảo Lộc | Miền Đông | 1.958.040 | 2.156.980 | 2.629.536 | 3.136.980 | 3.742.032 |
| Lâm Đồng | NPP Trọng Thiêm | Đà Lạt | Miền Đông | 2.744.001 | 3.430.980 | 4.116.980 | 4.705.960 | 5.390.000 |
| Vũng Tàu | DNTN Phương Ánh | Vũng Tàu | Miền Đông | 1.079.960 | 1.275.960 | 1.719.312 | 1.969.800 | 3.195.898 |
| Bình Phước | DNTN Trần Thị Lan | AnLoc- | Miền | 1.011.360 | 1.314.768 | 2.224.992 | 2.518.992 | 3.539.760 |

 

| | | | | | | | | |
|------------|----------------------------|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | | Bình Long | Đông | | | | | |
| Tây Ninh | Trần Thị Thanh, Tiến Thành | Tây Ninh | Miền Đông | 1.011.360 | 1.314.768 | 2.224.992 | 2.518.992 | 3.539.760 |
| Bình Dương | Nguyễn Quốc Dũng | Thủ Dầu Một | Miền Đông | 259.600 | 354.000 | 450.980 | 450.980 | 920.980 |
| Đồng Nai | NPP Diễm Kiều | Định Quán | Miền Đông | 1.029.000 | 1.471.960 | 1.921.584 | 2.156.980 | 3.238.624 |
| Đồng Nai | | Long Khánh | | 882.980 | 999.600 | 1.489.600 | 1.667.960 | 3.238.624 |
| Đồng Nai | Chi Nhanh Phan Ngoc | Long Thành | Miền Đông | 809.088 | 999.600 | 1.921.584 | 1.921.584 | 3.238.624 |
| Đồng Nai | Metro Đồng Nai | Biên Hòa | Miền Đông | 354.544 | 455.680 | 538.000 | 636.000 | 735.960 |
| TPHCM | Tri Thúc Trẻ | TP HCM | HCM | 343.196 | 392.980 | 441.020 | 490.980 | 667.498 |
| TPHCM | Coop <10.000.000 | TP HCM | HCM | 165.000 | 165.000 | 165.000 | 165.000 | 165.000 |
| TPHCM | Coop =>10.000.000 | TP HCM | HCM | 393.196 | 442.980 | 491.020 | 540.980 | 717.498 |
| Long An | NPP Út Giao | Long An | Miền Tây | 701.000 | 801.000 | 1.302.000 | 1.651.200 | 2.167.200 |
| Tiền Giang | NPP Lê Thị Thanh Xuân | Tiền Giang - Gò Công | Miền Tây | 901.000 | 1.102.000 | 2.064.000 | 2.064.000 | 2.476.800 |
| Tiền Giang | NPP Mỹ Dung | Tiền Giang - Cai Lậy | Miền Tây | 901.000 | 1.102.000 | 2.064.000 | 2.064.000 | 2.476.800 |
| Tiền Giang | NPP Nhứt Tien | Mỹ Tho | Miền Tây | 850.000 | 1.002.000 | 1.820.000 | 2.064.000 | 2.476.800 |
| Bến Tre | NPP Trương Thị Mỹ Tiên | Giồng Trôm | Miền Tây | 1.651.200 | 1.919.520 | 2.394.240 | 2.580.000 | 3.364.320 |
| Vĩnh Long | NPP Đan Anh | Vĩnh Long | Miền Tây | 1.302.000 | 1.651.200 | 2.115.600 | 2.992.800 | 3.746.160 |
| Đồng Tháp | Cty TNHH Thăng Đạt | Cao Lãnh | Miền Tây | 1.302.000 | 1.651.200 | 2.115.600 | 2.992.800 | 3.746.160 |
| Đồng Tháp | Cty TNHH Hanh Phước | Sa Đéc | Miền Tây | 1.302.000 | 1.651.200 | 2.115.600 | 2.992.800 | 3.746.160 |
| Đồng Tháp | NPP Đạt Thành | Hồng Ngự | Miền Tây | 1.269.360 | 1.651.200 | 2.115.600 | 2.992.800 | 3.746.160 |
| Cần Thơ | NPP Triều Dân | Cần Thơ | Miền Tây | 2.064.000 | 2.311.680 | 2.889.600 | 3.096.000 | 3.870.000 |
| Cần Thơ | Metro Cần Thơ | Metro Cần Thơ | Miền Tây | 2.064.000 | 2.311.680 | 2.889.600 | 3.096.000 | 3.870.000 |
| An Giang | NPP Hạnh Duy | Long Xuyên | Miền Tây | 2.781.240 | 3.286.920 | 4.146.576 | 4.298.280 | 4.955.664 |
| An Giang | NPP Tân Khang | Châu Đốc | Miền Tây | 2.781.240 | 2.959.600 | 3.493.034 | 4.146.576 | 4.318.508 |
| Trà Vinh | NPP Mai Ninh | Trà Vinh | Miền Tây | 2.064.000 | 2.322.000 | 2.899.920 | 3.096.000 | 3.880.320 |
| Hậu Giang | NPP Thủy Linh | Vị Thanh | Miền Tây | 2.487.946 | 2.973.399 | 3.742.032 | 3.843.168 | 4.551.120 |
| Sóc Trăng | NPP Phương Quang | Sóc Trăng | Miền Tây | 2.649.764 | 3.034.080 | 3.802.714 | 3.944.304 | 4.551.120 |
| Kiên Giang | NPP Mỹ Châu | Rạch Giá | Miền Tây | 2.747.764 | 3.230.080 | 3.802.714 | 3.944.304 | 4.551.120 |
| Bạc Liêu | NPP Huỳnh Gia | Bạc Liêu | Miền Tây | 2.932.944 | 3.297.034 | 4.146.576 | 4.318.508 | 4.955.664 |
| Cà Mau | DNTN Minh Lợi | Cà Mau | Miền Tây | 3.034.080 | 3.539.760 | 4.413.984 | 4.702.824 | 5.360.208 |

Điều 7: Mọi điều khoản khác của Hợp đồng số: 28062011/ISC-VANTAI ký ngày 01/07/2011 và các Phụ lục của hợp đồng nêu trên không được đề cập trong Phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị, trừ phi những điều khoản đó mâu thuẫn với những quy định của phụ lục này - trong trường hợp như vậy Phụ lục này sẽ có giá trị cao nhất.

Article 7: The others clauses and terms of contract numer 28062011/ISC-VANTAI signed off 01/July/2011 that was not mentioned in this contract appendix then they're still keep intact effect, valid, unless these provisions conflicts with the provisions of thix appendix

 

Bản Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng số: 28062011/ISC-VANTAI ký ngày 01/07/2011 nêu trên.

This appendix is a part that can't apart from contract number 28062011/ISC-VANTAI signed off 01/July/2011.

Điều 7: Thời hạn phụ lục hợp đồng là 24 tháng kể từ ngày 01/04/2017 và tự động tái ký tiếp tục cho đến khi có sự điều chỉnh bằng văn bản tiếp theo của hai bên.

Article 7: The duration of the contract appendix is 24 months from 04/01/2017 and automatically renewed until have adjustment of two sides by text.

Bản Phụ lục này được lập thành bốn (04) bản mỗi bên giữ 02 bản có hiệu lực như nhau

This appendix is made into four (04) sets, each party keep two (02) sets and have equally effective.

ĐẠI DIỆN BÊN A
For and on behalf of Marico

ĐẠI DIỆN BÊN B
For and on behalf of ISC

LƯƠNG HỮU KHÁNH

TRẦN VĂN SANG

 